

Bản án số: 66/2021/HS-ST

Ngày: 09 - 12 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Dũng

Ông Lê Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Triệu Đức Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn T**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 11/11/1981 tại xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm A, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng và lái xe; Con ông: Trần Văn P, sinh năm 1960, con bà: Nguyễn Thị C sinh năm 1961; Có vợ: Nguyễn Thị M và có 03 con; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam - có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Cháu Lý Thu H, sinh năm 2019 (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Anh Lý Văn H1, sinh năm 1995 và chị Dương Thị V, sinh năm 1997 (bố mẹ cháu H).

Cùng trú tại: Xóm L, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chị Dương Thị V cử anh Lý Văn H1 đại diện tham gia tố tụng - Anh H1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người đại diện hợp pháp của người bị hại: Ông Vũ Đức C1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên/ có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983/ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trú tại: Xóm Đồng Ao, xã Đồng Liên, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Ông Lý Văn T1, sinh năm 1970/ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
Trú tại: Xóm L, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
- *Người làm chứng:*
 1. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1998/ vắng mặt.
Trú tại: Xóm Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
 2. Bà Hoàng Thị C2, sinh năm 1947/ vắng mặt.
Trú tại: Xóm Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 16/7/2021, Trần Văn T (có giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển xe ô tô tải BKS: 20C -195.12 đi giao hàng (vật) tại nhà anh Nguyễn Văn K (Sinh năm 1998, trú tại xóm Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên), nhà anh K nằm ở sát mặt đường bên phải của đường liên xã Q – T. Đến nơi, T đỗ xe ô tô ở sát mép đường bên phải, trước cửa nhà anh K. Sau khi giao hàng xong, T tiếp tục điều khiển xe ô tô quay đầu đi hướng ra Quốc lộ 1B để giao hàng. Khi đầu xe đến giữa đường thì T quan sát thấy phía ngược chiều, cách khoảng 40-50 mét có 01 xe mô tô BKS: 20L6 – 3237 do anh Lý Văn H1 (SN 1995, trú tại xóm L, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) điều khiển chở theo con gái là cháu Lý Thu H (SN 2019) ngồi phía trước đi đến. Do thiếu quan sát khi chuyển hướng xe và khoảng cách gần nên phần góc đầu xe bên phải của T đã đâm va vào xe mô tô do anh H1 điều khiển gây ra tai nạn. Hậu quả: Cháu Lý Thu H bị thương tích nặng, được đưa đi cấp cứu sau đó tử vong cùng ngày. Xe ô tô, mô tô hư hỏng nhẹ, anh H1 bị thương nhẹ.

Kết quả khám nghiệm hiện trường, xác định được:

Hiện trường nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng, mặt đường giải bê tông nhựa, lòng đường rộng 9,9m, vỉa hè đường bên phải hướng Quốc lộ 1B đi xóm X rộng 6,1m. Lấy mép đường phải hướng xóm X đi Quốc lộ 1B làm chuẩn, lấy cột điện số 23 nằm trên vỉa hè phải hướng Quốc lộ 1B đi xóm X làm điểm mốc. Xe ô tô BKS: 20C – 195.12 đỗ ở lòng đường đầu hướng vỉa hè trái hướng Quốc lộ 1B đi xóm X, có tâm trục bánh xe trước bên phải cách mép đường chuẩn là 2,05m. Tâm trục bánh sau bên phải cách mép đường chuẩn là 3,93m. Xe mô tô BKS: 20L6 – 3237 đổ nghiêng bên phải có tâm trục trước cách mép đường chuẩn là 2,4m, tâm trục bánh sau cách mép đường chuẩn là 2,92m. Trục trước bên phải xe ô tô BKS: 20C – 195.12 cách tâm trục trước xe mô tô đo vuông góc là 1,1m.

Vết mài trượt cao su có hướng xóm X đi Quốc lộ 1B có chiều dài 0,65m, điểm đầu cách mép đường chuẩn là 3,95m, điểm cuối cách mép đường chuẩn là 3,93m. Điểm đầu vết mài trượt cao su cách tâm trục sau xe mô tô BKS: 20L6 - 3237 là 0,25m. Trục bánh sau bên phải xe ô tô BKS: 20C – 195.12 cách cột điện số 23 là 15,80m, cách mép cửa nhà anh Nguyễn Văn K là 1,8m. Kiểm tra mặt lăn bánh lốp trước có vết tì xước mặt lốp KT 21x5 cm. Kiểm tra hệ thống biển

báo phía trước và phía sau hai chiều đi đến vị trí xảy ra tai nạn không phát hiện thấy có biển báo nào.

Tại các biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông, xác định được:

Đối với Xe ô tô BKS 20C – 195.12:

Về dấu vết phương tiện: Quá trình khám nghiệm phương tiện theo trình tự từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, từ phải qua trái xe ô tô tải nhãn hiệu “SUZUKI”, BKS: 20C – 195.12, phát hiện các dấu vết như sau: Kính chắn gió phía trước có 01 khoảng vết nứt vỡ kích thước 64 x 73cm, trên vùng kính vỡ có 01 khoảng kính bị lực tác động gây lõm theo chiều từ trước về sau, vùng lõm này có kích thước 14x20cm, điểm thấp nhất của vết cao cách mặt đất 122cm. Tai xe bên phải có 01 khoảng vết bẹp lõm kim loại kích thước 17x22cm, dấu vết có chiều từ trước về sau, từ phải sang trái. Mặt ngoài kính đèn xi nhan trước bên phải có 01 khoảng vết mài xước nhựa kích thước 28x9,5cm. Cạnh ngoài bên phải của ba đèn sọc trước có 01 khoảng vết rách, bẹp lõm nhựa kích thước 36x38cm vùng bẹp lõm có chiều từ trước về sau, từ phải sang trái, điểm thấp nhất của vết cao cách mặt đất 29cm.

Về kỹ thuật an toàn phương tiện: Tại thời điểm khám nghiệm kỹ thuật an toàn phương tiện xe ô tô tải BKS: 20C-195.12 như sau: Hai gương chiếu hậu có đủ và còn hiệu lực; Phanh trước, phanh sau có và còn hiệu lực; 04 (bốn) lốp xe căng hơi; Hệ thống đèn, điện, còi có và còn hiệu lực; Hệ thống hộp số hoạt động bình thường.

Đối với xe mô tô BKS: 20L6 – 3237:

Về dấu vết trên phương tiện: Quá trình khám nghiệm phương tiện theo trình tự từ trên xuống dưới, từ trước ra sau, từ phải qua trái xe mô tô nhãn hiệu “WAVE RS” BKS: 20L6 – 3237 phát hiện các dấu vết sau: Gương chiếu hậu bên phải cong đầy khỏi vị trí ban đầu. Nhựa ốp đầu xe bị nứt vỡ 01 khoảng KT 7x14cm. Cụm đèn pha bị bung bật khỏi vị trí ban đầu, kính đèn pha bị nứt vỡ 01 khoảng kích thước 11x4cm. Đèn xi nhan phía trước bên trái bị bung bật khỏi vị trí ban đầu, mặt kính đèn xi nhan này bị vỡ 01 khoảng kích thước 10x2,5cm. Nhựa phần mặt nạ xe bị nứt vỡ 01 khoảng kích thước 15x23cm; Cánh yếm bên trái bị bung bật khỏi vị trí ban đầu; Mặt trong của cánh yếm bên trái bị nứt vỡ 01 khoảng kích thước 4x19cm. Phần nhựa ốp trên giá đỡ hàng phía trước xe có 01 khoảng nứt vỡ nhựa kích thước 7x8cm. Tại vị trí giá đỡ hàng phía trước xe có 01 ghế ngồi trẻ em bằng kim loại, màu đỏ, màu hồng. Khung sắt phía trước của chiếc ghế này bị lực tác động cong đầy theo chiều từ trước về sau. Chấn bụn phía trước của chiếc bánh lốp trước bị nứt vỡ nhựa một khoảng kích thước 40x14cm.

Về kỹ thuật an toàn phương tiện: Tại thời điểm khám nghiệm kỹ thuật an toàn phương tiện xe mô tô BKS 20L6 – 3237 như sau: Hai gương chiếu hậu có đủ và còn hiệu lực. Phanh trước, phanh sau có và còn hiệu lực. Hai lốp xe căng hơi. Hệ thống đèn, còi, không kiểm tra được do không có chìa khoá điện. Hệ thống hộp số hoạt động bình thường.

Tại bản kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 21/ĐGTSHS và số

22/ĐGTSHS, ngày 18/8/2021, kết luận: Giá trị sửa chữa phần hư hỏng thiệt hại về tài sản đối với xe mô tô, nhãn hiệu HONDA, BKS: 20L6 - 3237, đăng ký lần đầu ngày 09/01/2007, số máy C09E-6535977, số khung Y-535841 là: 1.265.000đ (Một triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Giá trị sửa chữa phần hư hỏng thiệt hại về tài sản đối với xe ô tô tải mui, nhãn hiệu SUZUKI, số loại: CARRY, mang BKS: 20C-195.12, đăng ký lần đầu ngày 30/9/2020, là 7.536.000đ (Bảy triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 47/TT ngày 03/8/2021 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Thái Nguyên kết luận nguyên nhân chết của cháu Lý Thu H: Do đa chấn thương, chấn thương sọ não nặng đến tử vong.

Căn cứ vào kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm dấu vết các phương tiện liên quan đến vụ tai nạn và các tài liệu điều tra thu thập được đủ căn cứ xác định vị trí đâm va giữa xe ô tô BKS: 20C – 195.12 với xe mô tô BKS 20L6 – 3237 thuộc phần đường bên trái theo hướng Q đi T.

Về phần dân sự: Bị cáo Trần Văn T đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng). Đại diện gia đình bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Vật chứng vụ án:

- + 01 (một) xe ô tô tải BKS: 20C – 195.12, nhãn hiệu SUZUKI, màu sơn: trắng, loại xe: tải có mui, xe cũ, bị hư hỏng nhẹ do tai nạn;

- + 01 (một) xe mô tô BKS: 20L6 – 3237, nhãn hiệu: HONDA; màu sơn: Xanh – đen, xe cũ, bị hư hỏng do tai nạn;

- + 01 (một) ghế ngồi trẻ em, đã cũ, bị hư hỏng do tai nạn;

- + 01 (một) giấy phép lái xe hạng B2 số: 350148006216 mang tên Trần Văn T, do Sở GTVT tỉnh Hà Nam cấp ngày 19/12/2014;

- + 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số: 20136809 của xe ô tô tải BKS: 20C – 195.12;

- + 01 (một) đăng ký xe mô tô số: 0036771 do phòng CSGT Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 09/01/2007;

- + 01 (một) bản sao đăng ký xe ô tô số: 070464 do Phòng CSGT Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 10/09/2020;

- + 01 (một) thẻ nhớ lắp trong Camera hành trình, trong xe ô tô tải BKS: 20C – 195.12;

Quá trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại xe ô tô tải BKS: 20C – 195.12; xe mô tô BKS: 20L6 – 3237 cùng đăng ký xe mô tô; ghế ngồi trẻ em cho chủ sở hữu quản lý. Số vật chứng còn lại được chuyển theo hồ sơ vụ án và đã được Tòa án trả lại cho bị cáo Trần Văn T trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Bản cáo trạng số 66/CT-VKSĐH ngày 12/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Trần Văn T ra trước TAND huyện Đ để xét xử về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự. Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, kết luận hành vi của bị cáo Trần Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

- Hình phạt chính: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260 BLHS; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS; Điều 65 BLSHS xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và người đại diện hợp pháp của người bị hại đã thỏa thuận bồi thường, theo đó bị cáo đã bồi thường 110.000.000 đồng cho người đại diện hợp pháp của người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào khác nên không đặt ra giải quyết.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS. Trả lại cho bị cáo Trần Văn T 01 giấy phép lái xe hạng B2 số: 350148006216 mang tên Trần Văn T, do Sở GTVT tỉnh Hà Nam cấp ngày 19/12/2014; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số: 20136809 của xe ô tô tải BKS: 20C – 195.12; 01 (một) bản sao đăng ký xe ô tô số: 070464 do Phòng CSGT Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 10/09/2020 và 01 (một) thẻ nhớ lắp trong Camera hành trình, trong xe ô tô tải BKS: 20C – 195.12.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người đại diện hợp pháp của người bị hại nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố. Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo và xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện, khám nghiệm tử thi, bản kết luận giám định pháp y và các tài liệu chứng cứ khác của vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở xác định: Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 16/7/2021, Trần Văn T (có giấy phép lái xe theo quy định) điều khiển xe ô tô tải BKS: 20C -195.12 chuyển hướng, quay đầu xe trên đường liên xã Q – T thuộc địa phận xóm Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, do thiếu quan sát để đảm bảo an toàn, nhường đường cho xe đi ngược chiều nên đâm va vào xe mô tô BKS: 20L6 – 3237 do anh Lý Văn H1 điều khiển chở theo con gái là cháu Lý Thu H đi ngược chiều theo hướng xã Q đi Quốc lộ 1B gây tai nạn. Hậu quả cháu Lý Thu H được

đưa đi cấp cứu và đã tử vong sau đó, 02 xe bị hư hỏng nhẹ, anh H1 bị thương nhẹ.

Hành vi nêu trên của Trần Văn T đã vi phạm khoản 2 Điều 15 Luật giao thông đường bộ.

Điều 15 Luật giao thông đường bộ quy định:

“1. Khi muốn chuyển hướng, người điều khiển phương tiện phải giảm tốc độ và có tín hiệu báo hướng rẽ.

2. Trong khi chuyển hướng, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải nhường quyền đi trước cho người đi bộ, người đi xe đạp đang đi trên phần đường dành riêng cho họ, nhường đường cho các xe đi ngược chiều và chỉ cho xe chuyển hướng khi quan sát thấy không gây trở ngại hoặc nguy hiểm cho người và phương tiện khác...”

Với việc vi phạm Luật giao thông đường bộ gây ra tai nạn dẫn đến hậu quả chết người thì hành vi của bị cáo Trần Văn T đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự. Nội dung điều luật như sau:

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tiền 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người....”

[2] *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:*

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn T là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm an toàn công cộng, gây thiệt hại đến tính mạng của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy cần phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự để răn đe, phòng ngừa chung đối với mọi người.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn nhận tội, bị cáo đã bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 110.000.000 đồng, người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó trong lượng hình, HĐXX đã có xem xét giảm nhẹ phần nào mức hình phạt đối với bị cáo và xét thấy bị cáo phạm tội do lỗi vô ý, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, mà áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Văn T theo khoản 5 Điều 260 - BLHS.

[3]*Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo và người đại diện hợp pháp của người bị hại đã thỏa thuận bồi thường, theo đó bị cáo đã bồi thường 110.000.000 đồng cho người đại diện hợp pháp của người bị hại và người đại diện hợp pháp của

người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào khác nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4] *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã trả lại cho bị cáo Trần Văn T 01 giấy phép lái xe hạng B2 số: 350148006216 mang tên Trần Văn T, do Sở GTVT tỉnh Hà Nam cấp ngày 19/12/2014; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số: 20136809 của xe ô tô tải BKS: 20C – 195.12; 01 (một) bản sao đăng ký xe ô tô số: 070464 do Phòng CSGT Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 10/09/2020 và 01 (một) thẻ nhớ lắp trong Camera hành trình, trong xe ô tô tải BKS: 20C – 195.12.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt chính là phù hợp với tính chất nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo và pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

1. Căn cứ vào: Điểm a, khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS; Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Trần Văn T 15** (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **30** tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn T cho ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu **200.000 đồng** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Những người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án đối với trường hợp có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai đối với trường hợp vắng mặt tại phiên tòa. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với trường hợp có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai đối với trường hợp vắng mặt tại phiên tòa../.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên
- UBND xã Đồng Liên, TPTN;
- Bị cáo, bị hại, người có QL & NVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự .

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Hữu Nhường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Hữu Nường